TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2020/QĐST- HNGĐ	*Yên Thành, ngày 08 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh ngày 25/05/1978.

Nơi ĐKHKTT: xóm 4, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Bị đơn: Anh Võ Tá P, sinh ngày 08/01/1979.

Nơi ĐKHKTT: xóm 4, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị T và anh Võ Tá P

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Võ Tá Phước S; Giới tính: nam, sinh ngày 30/9/2018 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh Võ Tá P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phan Thị T mỗi tháng 1.500.000đ(Một triệu, năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 3/2020 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phan Thị T làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Tá P không thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị T và anh Võ Tá P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị T nộp 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ trong số tiền 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0000374 ngày 23/3/2020, chị T đã đủ án phí. Trả lại cho chị Phan Thị T số tiền 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Anh Võ Tá P nộp 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS ND Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS - Vào kết quả
- Chi cục THADS - Yên Thành
- UBND xã C(Nơi ĐKKH)

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc